SỞ Y TẾ HÀ NỘI **BỆNH VIỆN DA LIỄU HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 576 /BVDL- KD	

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, tổ chức có chức năng thẩm định giá

Bệnh viện Da liễu Hà Nội có kế hoạch thẩm định giá các trang thiết bị phục vụ cho việc lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Để đảm bảo công tác đấu thầu được công khai minh bạch Bệnh viện kính mời các đơn vị, tổ chức có đủ năng lực, quan tâm tham gia báo giá.

Bộ hồ sơ gồm có: Báo giá dịch vụ 01 bản cứng + 01 bộ hồ sơ năng lực của đơn vị.

Gửi về địa chỉ: Bệnh viện Da liễu Hà Nội, 79B Nguyễn Khuyến- Văn Miếu- Đống Đa- Hà Nội.

Email: Khoaduoc.bvdlhn@gmail.com

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày có thư mời đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2024.

Mọi chi tiết liên hệ: Khoa Dược Bệnh viện Da liễu Hà Nội. SĐT: 0982281208.

Xin trân thành cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN DA LIỄU HÀ NỘI

Nguyễn Minh Quang

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ CNTT, Website bệnh viện
- Lưu: VT; K Dược.

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Máy xét nghiệm sinh hoá	01 Hệ thống	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Sản xuất năm 2024 trở đi, máy mới 100% - Xuất xứ tại các nước EU hoặc G7, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220V/50 Hz - Điều kiện môi trường làm việc: - Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C - Độ ẩm tối đa: ≥ 80% **II. YÊU CẦU CẤU HÌNH** - Máy chính: 01 máy - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Máy tính: 01 bộ - Máy in: 01 chiếc - Bộ lọc nước: 01 bộ - Bộ hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ (gồm Urea, ALT,AST, Glucose, Creatinine mỗi loại ≥ 500 xét nghiệm) **III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT** **1. Máy chính** - Chủng loại: Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn - Công suất: ≥ 400 xét nghiệm/giờ **2. Máy tính** - CPU: Core i5 hoặc tốt hơn - Ổ cứng: ≥ 450 GB - RAM: ≥ 4 GB - Màn hình: ≥ 19 inch - Chuột, bàn phím: 01 bộ **3. Máy in** - Khổ giấy in: A4 - Tốc độ: ≥ 12 trang/phút - Độ phân giải: ≥ 600 x 600 dpi **4. Bộ lọc nước** - Công suất: ≥ 30 lít/giờ
2	Máy xét nghiệm huyết học	01 máy	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Xuất xứ tại các nước G7 hoặc EU, Nhà sản xuất có chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 240V/50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥30 độ C. + Độ ẩm tối đa: ≥85% **II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ**

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			I. YÊU CẦU CHUNG - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Xuất xứ tại các nước công nghiệp phát triển, Nhà sản xuất có chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 240V/50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥30 độ C. + Độ ẩm tối đa: ≥85% **II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ** - Máy chính: 01 máy - Bộ máy tính (mua trong nước): 01 bộ - Phần mềm quản lí dữ liệu DMS Pro hoặc tương đương: 01 phần mềm - Máy in: 01 cái - Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ -Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ **III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT:** - Phương pháp đo + Đếm tế bào máu: Đo trở kháng điện hoặc tương đương + Hemoglobin: Đo bề mặt (so màu) hoặc tương đương + Hematocrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Phân tích các thành phần bạch cầu: Đo quang bằng tia Laser hoặc tương đương + Plateletcrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố hồng cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố tiểu cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương - Thông số đo : ≥29 thông số, tối thiểu có bao gồm: WBC, NE%, LY%, MO%, EO%, BA%, NE, LY, MO, EO, BA, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, PCT, MPV, PDW, ImG, ImG%, Band, Band%, SEG, SEG% - Màn hình + LCD ≥10.4 inch, màn hình cảm ứng + Độ phân giải: ≥800 x 600 dots + Hiển thị: dữ liệu số, biểu đồ tán xạ, biểu đồ, tình trạng đo, thông báo cảnh báo và các thông báo khác, các phím cảm ứng. - Quản lý thông tin + Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings), XB hoặc tương đương + Có thể lưu trữ được ≥15.000 kết quả khi gắn thêm thẻ nhớ SD
3	Máy xét	01 máy	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Sản xuất năm 2023 trở đi, máy mới 100%

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	nghiệm nước tiểu		- Nhà máy đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220/380 V, 50 Hz - Điều kiện môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 80% **II. CẤU HÌNH** - Máy chính kèm bộ phụ kiện chuẩn: 01 chiếc - Thanh thử nước tiểu: 01 bộ (≥ 150 que thử) **III. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT** - Chủng loại: Máy phân tích nước tiểu - Phương pháp đo: Đo quang phản xạ sử dụng ≥4 bước sóng - Đo được tối thiểu ≥ 10 thông số gồm: Blood, Glucose, Spec. gravity, Bilirubin, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leucocytes, Ketones, pH. - Tốc độ: + Chế độ bình thường: ≥ 50 xét nghiệm/giờ + Chế độ nhanh: ≥ 120 xét nghiệm/giờ - Có các chức năng, tối thiểu gồm: + Tự động đo khi đặt thanh thử vào máy, tự động in kết quả. + Lọc kết quả xét nghiệm theo ngày, số ID, trạng thái và kết quả + Có thể nhập bằng tay màu và độ đục hoặc bổ sung nhận xét + Có hệ thống cờ cảnh báo kết quả bất thường và khuyến cáo chạy xét nghiệm soi cặn + Phân tích QC tự động (1, 2 hoặc 3 mức) - Lưu trữ: + ≥ 3000 kết quả bệnh nhân + ≥ 1000 kết quả QC - Điều khiển và hiển thị: bằng màn hình cảm ứng LCD ≥ 3.5 inches, độ phân giải ≥ 240 x 320 pixel - Có máy in nhiệt tích hợp - Cổng kết nối tối thiểu gồm: RS232, USB, PS2 - Có khả năng kết nối với LIS.
4	Kính hiển vi 2 mắt	01 chiếc	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Sản xuất năm 2024 trở đi, máy mới 100% - Xuất xứ tại các nước công nghiệp phát triển, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 V, 50 Hz - Điều kiện môi trường làm việc:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			- Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C - Độ ẩm tối đa: ≥ 80% **II. YÊU CẦU CẤU HÌNH** - Thân kính hiển vi 2 mắt kèm theo nguồn sáng đèn LED : 01 cái - Thị kính chống mốc 10x, đường kính vi trường rộng 20 mm, có chia độ Diop: 02 cái. - Vật kính chống mốc – phẳng 4X/0.10, khoảng cách làm việc 27.8 mm: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 10X/0.25, khoảng cách làm việc 8.0 mm: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 40X/0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 100X/1.25 oil, khoảng cách làm việc 0.13 mm, soi dầu, có lò xo: 01 cái - Tụ quang có độ mở 1,25, có thể điều chỉnh màn chắn sáng và độ cao: 01 cái - Bàn để mẫu kèm theo bộ phận di mẫu X x Y 76 x 30mm: 01 cái - Dầu soi 8cc: 01 lọ - Bao máy: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh: 01 bộ **III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT** - Có xử lý chống mốc trên các bộ phận quang học để chống sự nẩy mầm và phát triển mốc - Hệ thống quang học Vô cực (infinity optical system). - Đầu quan sát hai thị kính. Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử 48 – 75mm. Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát. - Thị kính chống mốc 10X, quang trường rộng F.N 20, góc nhìn 300, mỗi thị kính có điều chỉnh độ Diop - Ổ gắn vật kính dạng mâm xoay 360°, có 4 vị trí lắp vật kính. - Vật kính phẳng chống mốc"Plan achromat" 4X/0.10, khoảng cách làm việc 27.8 mm; - Vật kính phẳng chống mốc"Plan achromat" 10X/0.25, khoảng cách làm việc 8 mm; - Vật kính phẳng chống mốc"Plan achromat" 40X/0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm; - Vật kính phẳng chống mốc"Plan achromat" 100X/1.25 oil, khoảng cách làm việc 0.13 mm; - Độ phóng đại 1000 lần - Bàn để mẫu có kích thước 120 x 132 mm, có bộ phận giữ mẫu

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y. - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: X x Y 76 x 30mm - Hộp tụ quang có độ mở 1.25 (Full Kohler) dùng cho kỹ thuật trường sáng, có 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng từ 1.8 – 29 mm, có núm dịch chuyển hộp tụ quang lên xuống - Nguồn sáng đèn LED, công suất 0.5 W, tuổi thọ dài 20.000 giờ - Điều chỉnh tiêu cự tinh/thô nhẹ dễ dàng, giới hạn điều chỉnh tiêu cự 15 mm. Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tinh là 2.5µm. Điều chỉnh tinh 0.3 mm/vòng quay - Khóa tiêu cự bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác động bên ngoài gây hỏng - Chống trộm trên thân kính có đầu nối dùng cho khóa kính - Thiết kế công năng phía sau thân kính được thiết kế hộc chứa dây cáp điện khi không dùng
5	Máy điều trị da bằng ánh sáng hội tụ	01 Máy	**I. Yêu cầu chung** - Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau - Đảm bảo chất lượng máy: có các chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn cấp điện 220-240V, 50-60Hz - Nhiệt độ tối đa: ≥35 độ C - Độ ẩm tối đa: ≥75% **II. Yêu cầu cấu hình:** - Máy chính di chuyển trên bánh xe, màn hình cảm ứng chạm: 01 máy - Tay cầm điều trị rậm lông : 01 cái - Tay cầm điều trị sắc tố, mạch máu: 01 cái - Bộ lọc ánh sáng: 03 bộ - Ngoài ra: Kính bảo vệ mắt khi điều trị cho Bác sĩ, bệnh nhân **III. Yêu cầu thống số kỹ thuật:** - Nguồn sáng: Xenon hoặc tương đương - Bộ lọc bước sóng điều trị: 560nm, 640nm, 700nm hoặc tương đương - Hệ thống làm mát: bề mặt và tiếp xúc nước hoặc tương đương - Loại hình phát xung: Xung dài (vuông) hoặc tương đương - Số xung: Không giới hạn - Các loại xung phát ra: Xung đơn, xung đôi, xung ba, xung đa hoặc tương đương - Năng lượng phát xung: 1-≥ 55 J/cm^2

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			- Thời gian phát xung: ≤ 35 ms
6	Máy theo dõi bệnh nhân	01 Máy	**I/ Yêu cầu chung** Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau. Chất lượng mới 100% Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485 Nguồn điện: 100 đến 240 VAC, 50/60Hz Môi trường hoạt động: + Độ ẩm tối đa: ≥80% ; + Nhiệt độ tối đa: ≥40 độ C **II. Cấu hình** Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số, Máy chính có màn hình cảm ứng : 01 máy Phụ kiện kèm theo máy chính Bộ điện cực điện tim: 01 Bộ Cáp đo độ bão hòa Oxy SpO2: 01 Cái Cảm biến đo nhiệt độ: 01 Cái Bao đo huyết áp người lớn: 01 Cái Bao đo huyết áp trẻ em: 01 Cái Dây nối dài đo huyết áp không xâm lấn: 01 Cái Pin tích hợp: 01 Cái Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái Xe đẩy máy: 01 Cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ Bộ đo huyết áp xâm lấn IBP: 01 Bộ **III/ Thông số kỹ thuật** **Đặc tính chung:** Thiết bị được sử dụng để theo dõi, hiển thị, xem xét, lưu trữ và cảnh báo các thông số của bệnh nhân. Theo dõi các thông số: Điện tim (ECG), Nhịp hô hấp (RESP), Nồng độ Oxy bão hòa trong máu (SpO2), Huyết áp không xâm lấn (NIBP), Nhiệt độ (TEMP), Huyết áp xâm lấn (IBP) Điều khiển, cài đặt các thông số hoàn toàn bằng màn hình cảm ứng và phím bấm. Màn hình cảm ứng **Thông số kỹ thuật:** Màn hình: Cảm ứng, kích thước 12.1 inch, theo dõi ≥8 dạng sóng Theo dõi bước sóng và dữ liệu theo thời gian thực Độ phân giải: ≥1280 x 800 pixels Cổng kết nối Ethernet, LAN Có giao thức kết nối HL7 **Lưu trữ:** Thời gian trend: ≥72 giờ